

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 08/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Kim Quy

Ông Phạm Thế Chiến

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ L1 số: 04/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1983 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 1, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1935 và bà Lê Thị H, sinh năm 1942 (cả hai đã chết). Bị cáo có vợ là Phạm Thị L1, sinh năm 1983 và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015, hiện trú tại thôn 1, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/12/2017, đến 14 giờ 45 phút ngày 08/2/2018 được trả tự do, thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1976. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974, Trú tại thôn 2, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Chị Phạm thị L1, sinh năm 1983, trú tại thôn 1, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979, trú tại thôn 2, xã B, huyện K , tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/10/2017, Nguyễn Văn T đang đi bắt chim ở cánh đồng Buôn trấp, thì Nguyễn Thị L1 là vợ của T gọi điện thoại nói với T mới bị chị Nguyễn Thị T2, chị ruột của T đánh. Nghe xong T điện thoại cho chị T2 hỏi sự việc, hai bên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau qua điện thoại, T hù dọa sẽ mua xăng về đốt nhà chị T2, chị T2 thách thức, T chạy xe Wave biển kiểm soát 47L5-1049 về nhà lấy chai nhựa và rút khoảng 300-400ml xăng trong xe rồi đi đến nhà chị T2. Đến nơi, T dựng xe ngoài đường, dùng chân đạp vào cổng gọi chị T2, nghe tiếng T gọi chị T2 cầm dao chạy ra đuổi T về, T hắt xăng về phía chị T2, thấy vậy chị T2 bỏ vào trong nhà. T mở cổng đi vào, chị T2 và chồng là anh Trần Văn Q đi ra hai bên cãi nhau. T bật quẹt ga cho xăng cháy và hắt về phía chị T2, trúng người anh Q làm anh Q bị bỏng.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 1280/PY-TgT ngày 27/10/2017 của Trung T giám định Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Trần Văn Q bị bỏng, tỷ lệ thương tích là 15%, tạm thời trong 12 tháng.

Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại anh Trần Văn Q trình bày: Sự việc xảy ra có một phần lỗi của vợ mình là chị Nguyễn Thị T2, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm,.

Cáo trạng số 03/KSĐT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn là lao động chính trong gia đình có 04 con nhỏ, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng khác thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do bức xúc vì vợ bị chị ruột là Nguyễn Thị T2 đánh, Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng xăng sau đó châm lửa và hắt trúng người anh Trần Văn Q là chồng của chị T2 làm anh Q bị bỏng, tỷ lệ tổn thương cơ thể 15%.

Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 104 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30 % hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

.....

2. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31 % đến 60% hoặc từ 11% đến 30 %, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của anh Trần Văn Q, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người hoàn toàn bình thường về trí lực, buộc phải biết sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng chỉ vì những mâu thuẫn trong cuộc sống, bị cáo đã dùng xăng là “*Hung khí nguy hiểm*” gây thương tích cho anh Q với tỷ lệ tổn thương cơ thể 15%. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi 2017 có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên cần áp dụng nguyên tắc có lợi quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 và

điểm b Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 của Q hội để áp dụng Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo khi lượng hình.

Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo có nhân thân tốt trước khi phạm tội; có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình có 04 con nhỏ. Thiết nghĩ không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Xét thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần công nhận gồm các khoản như sau: Chi phí điều trị và bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tổng số tiền là 11.600.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa; 01 quẹt ga là công cụ phương tiện phạm tội.

- Tuyên trả 01 áo thun ngắn tay cho người bị hại anh Trần Văn Q.

(vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện K với cơ quan Thi hành án dân sự huyện K ngày 21/3/2018).

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 của Q hội; khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm (bốn) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người bị hại, tổng số tiền 11.600.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa; 01 quẹt ga là công cụ phương tiện phạm tội.

- Tuyên trả 01 áo thun ngắn tay cho người bị hại anh Trần Văn Q.

(vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện K với cơ quan Thi hành án dân sự huyện K ngày 21/3/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Lưu hồ sơ; Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tân